

Số: 1244/QĐ-UBND

Ân Thi, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất
cho Nhân dân làm nhà ở tại Khu dân cư mới xã Tân Phúc, huyện Ân Thi
nay là xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN THI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm
toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật
Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi
phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất
động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính Phủ
quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường
hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng
7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP
ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 71/2024/NĐ-CP
ngày 27/06/2024 quy định về giá đất; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa
đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất
đai; số 172/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản; số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy
định cho tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; số 91/2022/NĐ-CP ngày
30/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày
19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
số 122/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh
vực quản lý thuế; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định
thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh
vực đất đai; số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định tổ chức các cơ quan
chuyên môn Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban
nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số 49
/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của

Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tư pháp: Số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 20/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp quy định khung Giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 Bảng giá đất năm 2026;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 1322/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 về việc giao đất tại xã Quang Vinh, huyện Ân Thi cho UBND huyện Ân Thi để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Tân Phúc, huyện Ân Thi;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại Khu dân cư mới xã Tân Phúc, huyện Ân Thi nay là xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

(Có Phương án đấu giá quyền sử dụng đất chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Khoa bạc Nhà nước khu vực IV; Thuế cơ sở 4 tỉnh Hưng Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Lưu: VT.



Nguyễn Hùng Cường

PHƯƠNG ÁN

Đấu giá quyền sử dụng 182 suất đất cho nhân dân làm nhà ở tại Khu dân cư mới xã Tân Phúc, huyện Ân Thi nay là xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 1244 /QĐ-UBND ngày 27/05/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ân Thi)

1. Loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá

- Diện tích bán đấu giá: 19.618,8m²

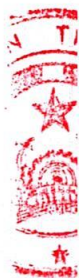
- Tổng số suất đấu giá: 182 suất, cụ thể như sau:

+ Vị trí: Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới xã Tân Phúc, huyện Ân Thi nay là xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên theo Thông báo số 425/TB-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên và Thông báo Chấp thuận mặt bằng quy hoạch số 101/TB-SXD ngày 14/4/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên.

STT	Ký hiệu suất đất	Số lượng	Diện tích (m ²)	Đặc điểm, vị trí	Giá khởi điểm dự kiến (đồng/m ²)
Khu LK-01		36	3566.8		
1	LK-01.1	1	102.2	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH 02 có độ rộng 18,5m và 01 mặt đường là hành lang ĐH.61	23.000.000
2	Từ LK-01.2 đến LK01.7	6	580.5	Tiếp giáp 01 mặt đường tiếp giáp hành lang ĐH.61	20.000.000
3	LK-01.8	1	88.1	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH 01 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường là hành lang ĐH.61	23.000.000
4	Từ LK-01.9 đến LK-01.21	13	1300	Tiếp giáp 01 mặt đường QH01 có độ rộng 15,5m	20.000.000
5	LK-01.22	1	98	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH01 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 06 có độ rộng 15,5m	23.000.000
6	Từ LK-01.23 đến LK-01.35	13	1300	Tiếp giáp 01 mặt đường QH02 có độ rộng 18,5m	20.000.000
7	LK-01.36	1	98	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH02 có độ rộng 18,5m và 01 mặt	23.000.000

STT	Ký hiệu suất đất	Số lượng	Diện tích (m ²)	Đặc điểm, vị trí	Giá khởi điểm dự kiến (đồng/m ²)
				đường QH 06 có độ rộng 15,5m	
Khu LK-02		34	3492		
8	LK-02.37	1	118	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH01 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 06 có độ rộng 15,5m	23.000.000
9	Từ LK-02.38 đến LK-02-52	15	1510	Tiếp giáp 01 mặt đường QH01 có độ rộng 15,5m	20.000.000
10	LK-02.53	1	118	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH01 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 08 có độ rộng 18,5m	23.000.000
11	LK-02.54	1	118	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH02 có độ rộng 18,5m và 01 mặt đường QH 06 có độ rộng 15,5m	23.000.000
12	Từ LK-02.55 đến LK-02-69	15	1510	Tiếp giáp 01 mặt đường QH02 có độ rộng 18,5m	20.000.000
13	LK-02.70	1	118	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH02 có độ rộng 18,5m và 01 mặt đường QH 08 có độ rộng 18,5m	23.000.000
Khu LK-03		28	2512		
14	LK-03.71	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH02 có độ rộng 18,5m và 01 mặt đường QH 07 có độ rộng 15,5m	23.000.000
15	LK-03.72 đến LK-03.75	4	360	Tiếp giáp 01 mặt đường QH02 có độ rộng 18,5m	20.000.000
16	LK-03.76	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH02 có độ rộng 18,5m và 01 mặt đường QH 08 có độ rộng 18,5m	23.000.000

STT	Ký hiệu suất đất	Số lượng	Diện tích (m ²)	Đặc điểm, vị trí	Giá khởi điểm dự kiến (đồng/m ²)
17	Từ LK-03.77 đến LK-03.86	10	900	Tiếp giáp 01 mặt đường QH08 có độ rộng 18,5m	20.000.000
18	LK-03.87	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH03 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 08 có độ rộng 18,5m	23.000.000
19	Từ LK-03.88 đến LK-03.97	10	900	Tiếp giáp 01 mặt đường QH07 có độ rộng 15,5m	20.000.000
20	LK-03.98	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH03 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 07 có độ rộng 15,5m	23.000.000
Khu LK-04		28	2512		
21	LK-04.99	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH03 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 08 có độ rộng 18,5m	23.000.000
22	Từ LK-04.100 đến LK-04.111	12	1080	Tiếp giáp 01 mặt đường QH08 có độ rộng 18,5m	20.000.000
23	LK-04.112	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH04 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 08 có độ rộng 18,5m	23.000.000
24	LK-04.113	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH03 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 07 có độ rộng 15,5m	23.000.000
25	Từ LK-04.114 đến LK-04.125	12	1080	Tiếp giáp 01 mặt đường QH07 có độ rộng 15,5m	20.000.000
26	LK-04.126	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH04 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 07 có độ rộng 15,5m	23.000.000
Khu LK-05		28	2512		



STT	Ký hiệu suất đất	Số lượng	Diện tích (m ²)	Đặc điểm, vị trí	Giá khởi điểm dự kiến (đồng/m ²)
27	LK-05.127	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH03 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 07 có độ rộng 15,5m	23.000.000
28	Từ LK-05.128 đến LK-05.139	12	1080	Tiếp giáp 01 mặt đường QH07 có độ rộng 15,5m	20.000.000
29	LK-05.140	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH04 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 07 có độ rộng 15,5m	23.000.000
30	LK-05.141	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH03 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 06 có độ rộng 15,5m	23.000.000
31	Từ LK-05.142 đến LK-05.153	12	1080	Tiếp giáp 01 mặt đường QH06 có độ rộng 15,5m	20.000.000
32	LK-05.154	1	88	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH04 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 06 có độ rộng 15,5m	23.000.000
Khu BT-01		14	2512		
33	BT-01.155	1	178	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH02 có độ rộng 18,5m và 01 mặt đường QH 05 có độ rộng 15,5m	23.000.000
34	Từ BT-01.156 đến BT-01.160	5	900	Tiếp giáp 01 mặt đường QH05 có độ rộng 15,5m	20.000.000
35	BT-01.161	1	178	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH03 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 05 có độ rộng 15,5m	23.000.000
36	BT-01.162	1	178	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH02 có độ rộng 18,5m và 01 mặt đường QH 06 có độ rộng 15,5m	23.000.000

STT	Ký hiệu suất đất	Số lượng	Diện tích (m ²)	Đặc điểm, vị trí	Giá khởi điểm dự kiến (đồng/m ²)
37	Từ BT-01.163 đến BT-01.167	5	900	Tiếp giáp 01 mặt đường QH06 có độ rộng 15,5m	20.000.000
38	BT-01.168	1	178	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH03 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 06 có độ rộng 15,5m	23.000.000
Khu BT-02		14	2512		
39	BT-02.169	1	178	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH03 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 05 có độ rộng 15,5m	23.000.000
40	Từ BT-02.170 đến BT-02.174	5	900	Tiếp giáp 01 mặt đường QH05 có độ rộng 15,5m	20.000.000
41	BT-02.175	1	178	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH04 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 05 có độ rộng 15,5m	23.000.000
42	BT-02.176	1	178	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH03 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH 06 có độ rộng 15,5m	23.000.000
43	Từ BT-02.177 đến BT-02.181	5	900	Tiếp giáp 01 mặt đường QH06 có độ rộng 15,5m	20.000.000
44	BT-02.182	1	178	Góc, tiếp giáp 01 mặt đường QH04 có độ rộng 15,5m và 01 mặt đường QH06 có độ rộng 15,5m	23.000.000
Tổng		182	19.618,8		

- Loại đất: Đất ở nông thôn (ONT)
- Tiến độ hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất: Hoàn thành theo thiết kế phê duyệt.

2. Mục đích, hình thức giao đất, thời gian sử dụng đất.

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn
- Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Thời gian sử dụng đất: Lâu dài.

3. Thời gian tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, dự kiến chia thành 04 (bốn) đợt tổ chức đấu giá, từ Quý II năm 2026.

4. Đối tượng và điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá

4.1. Đối tượng tham gia đấu giá

Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2024 có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở đúng quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Điều kiện tham gia đấu giá:

Các đối tượng nêu trên được đăng ký tham gia đấu giá khi có đủ các điều kiện sau:

- Có phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do đơn vị tổ chức hành nghề đấu giá phát hành, trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch khu trũng đấu giá.

- Các đối tượng tham gia đấu giá phải thực hiện đầy đủ các thủ tục hồ sơ đăng ký tham gia và nộp tiền đặt trước, phí đấu giá theo quy định, không thuộc trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá.

4.3 Những người không được tham gia đấu giá:

Cá nhân không thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai; vi phạm nội dung đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 được sửa đổi, bổ sung năm 2024:

- Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

- Người làm việc trong tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện phiên đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành phiên đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

- Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tái sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật; Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của những người này.

- Tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó/1 thửa (suất) đất;

- Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với đối với tài sản là quyền sử dụng đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Người đang bị cấm tham gia đấu giá do vi phạm nghĩa vụ nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy.

5. Những Quy định đối với người tham gia đấu giá

Theo quy chế phiên đấu giá do tổ chức hành nghề đấu giá ban hành.

6. Mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá

6.1. Mức phí tham gia đấu giá:

Theo quy định tại Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/1/2025 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

6.2. Tiền đặt trước: Người tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước theo quy định tại Điều 2 Nghị Quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá từ 10% đến 50% tổng giá trị thửa đất tính theo giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất. Người trúng đấu giá được trừ tiền đặt trước vào tiền sử dụng đất phải nộp.

7. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá được áp dụng khi thực hiện phiên đấu giá

7.1. Hình thức đấu giá: Bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá, việc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện đối với từng thửa đất, mở kết quả công khai tại phiên đấu giá.

7.2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

7.3. Bước giá: 100.000 đồng/1m²

7.4 Chỉ công nhận người trúng đấu giá đối với từng thửa đất khi có ít nhất 02 (hai) khách hàng và ít nhất 02 (hai) phiếu trả giá hợp lệ cho 01 thửa đất và có giá hợp lệ cao hơn giá khởi điểm.

8. Quy định đối với người trúng đấu giá

Người trúng đấu giá nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Cụ thể: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan thuế, người trúng đấu giá phải nộp tiền sử dụng đất theo thông báo và theo đúng phương án đấu giá.

Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định thì sau thời hạn phải hoàn thành việc nộp tiền cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình Chủ tịch UBND xã Ân Thi hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định.

9. Xử lý vi phạm đối với người trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở:

Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất ở vi phạm nghĩa vụ nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì bị cấm tham gia đấu giá đối với quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở như sau:

a) Từ 02 năm đến 05 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá;

b) Từ 06 tháng đến 03 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá nộp không đầy đủ tiền trúng đấu giá.

2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất ở cho cá nhân là cơ quan có thẩm quyền quyết

định cấm tham gia đấu giá quy định tại khoản 1 Điều này.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định hủy quyết định công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền quyết định cấm tham gia đấu giá xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia đấu giá đối với người trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều này.

10. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất

Thực hiện theo Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định khung Giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá và Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 20/01/2025 hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

11. Dự kiến tiền thu được và sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá

- Tổng số tiền trúng đấu giá dự kiến thu: 600.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng).

Giá khởi điểm được xác định theo Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

- Các khoản chi phí được trừ theo quy định của Nhà nước.

12. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất

Theo quy định tại Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15 tháng 8 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.